

Tuần 6: 11/10 – 16/10/2021

*\*Yêu cầu 1: HS đọc tài liệu kết hợp tham khảo SGK và điền vào các chỗ trống để hoàn thiện nội dung bài học.*

*\*Yêu cầu 2: Vận những kiến thức HS tự lĩnh hội được thông qua Nội dung bài học (ở mục A) để giải các bài tập (ở mục B).*

## SỐ & ĐẠI SỐ 6

### A.Tóm tắt nội dung bài học: (CHÉP VÀO TẬP BÀI HỌC)

#### BÀI 12: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

##### 1. Ước chung

\*Ước chung của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.

\*Tập hợp các ước chung của hai số a và b kí hiệu là  $U(a, b)$ .

**VD1:**  $U(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ .

$U(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}$

$\Rightarrow U(18,30) = \{1; 2; 3; 6\}$

##### Thực hành 1:

Hãy viết

a) Các tập hợp  $U(18); U(36); U(45)$ .

b) Tập hợp M các số tự nhiên là ước chung của 36 và 45

c) Tập hợp K các số tự nhiên là ước chung của 18; 36 và 45

##### Bài làm:

a)  $U(18) = \{1; \dots\dots\dots\}$   
 $U(36) = \{1; \dots\dots\dots\}$   
 $U(45) = \{1; \dots\dots\dots\}$

b)  $M = \{1; \dots\dots\dots\}$

c)  $K = \{1; \dots\dots\dots\}$

##### 2. Ước chung lớn nhất.

\*Ước chung lớn nhất của 2 hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp các ước chung của các số đó

\*Kí hiệu ước chung lớn nhất của a và b là  $UCLN(a, b)$

**VD2:**  $U(18,30) = \{1; 2; 3; 6\}$

Vì trong các ước chung của 18 và 30 có 6 là số lớn nhất nên  $UCLN(18,30) = 6$

*\*Các ước chung của 18 và 30 là 1;2;3;6 đều là ước của 6*

##### Nhận xét:

Với mọi  $a, b \in \mathbb{N}$ , ta có:

$UCLN(a,1) = 1; UCLN(a, b, 1) = 1$

**VD3:**  $ƯCLN(15,9,1) = 1$

**Thực hành 3:**

|                                                         |                                                                                              |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Viết tập hợp $ƯC(24,30)$ , từ đó chỉ ra $ƯCLN(24,30)$ . | <b>Bài làm:</b><br>$ƯC(24,30) = \{1; \dots\dots\dots\}$<br>$\Rightarrow ƯCLN(24,30) = \dots$ |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|

**3. Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**

| Quy tắc tìm $ƯCLN$                                                                                                 | <b>VD4:</b> Tìm $ƯCLN(18,30)$ ? |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Bước 1: Phân tích mỗi số ra TSNT                                                                                   | $18 = 2.3^2$ ; $30 = 2.3.5$     |
| Bước 2: Chọn ra các TSNT <b>chung</b>                                                                              | Các TSNT chung: 2;3             |
| Bước 3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với <b>số mũ nhỏ nhất</b> của nó. Tích đó là $ƯCLN$ phải tìm | $ƯCLN(18,30) = 2.3 = 6$         |

**Thực hành 4:**

| Tìm                     | Bài làm:                                                                                 |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| a) $ƯCLN(24,60)$ ?      | a) $24 = 2^3.3$ $60 = 2^2.3.5$ $ƯCLN(24,60) = 2^2.3 = 12$                                |
| b) $ƯCLN(14,33)$ ?      | b) $14 = \dots$ $33 = \dots$ $ƯCLN(14,33) = \dots\dots\dots$                             |
| c) $ƯCLN(90,135,270)$ ? | c) $90 = \dots$ $135 = \dots$ $270 = \dots$ $ƯCLN(90,135,270) = \dots\dots\dots = \dots$ |

**Nhận xét:**

1) Hai số có  $ƯCLN$  bằng 1 gọi là hai số **nguyên tố cùng nhau**

**VD5:**  $ƯCLN(14, 33) = 1 \Rightarrow 14$  và  $33$  là hai số nguyên tố cùng nhau.

2) Để tìm tập hợp ước chung của 2 số tự nhiên  $a$  và  $b$ , ta có thể tìm tập hợp các ước của  $ƯCLN(a,b)$

|                  |                                                                                      |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>VD7:</b> Tìm  | <b>Hướng dẫn:</b>                                                                    |
| a) $ƯC(12;16)$ ? | $ƯCLN(12;16) = 4$<br>$\Rightarrow ƯC(12;16) = Ư(4) = \{1;2;4\}$                      |
| b) $ƯC(24;30)$ ? | $ƯCLN(24;30) = \dots\dots\dots$<br>$ƯC(24;30) = Ư(\dots\dots) = \{\dots\dots\dots\}$ |

**4. Ứng dụng trong rút gọn phân số (HS tham khảo SGK/38)**

## B. Bài tập tự luyện (LÀM VÀO TẬP BÀI TẬP)

### C. Hướng dẫn bài tập tự luyện:

**Bài 3:** giống VD7

2. Tìm:

a) ƯCLN(1, 16);

b) ƯCLN(8, 20);

c) ƯCLN(84, 156);

d) ƯCLN(16, 40, 176).

3. a) Ta có  $ƯCLN(18, 30) = 6$ . Hãy viết tập hợp A các ước của 6. Nêu nhận xét về tập hợp  $ƯC(18, 30)$  và tập hợp A.

b) Cho hai số a và b. Để tìm tập hợp  $ƯC(a, b)$ , ta có thể tìm tập hợp các ước của  $ƯCLN(a, b)$ .

Hãy tìm ƯCLN rồi tìm tập hợp các ước chung của:

i. 24 và 30;

ii. 42 và 98;

iii. 180 và 234.

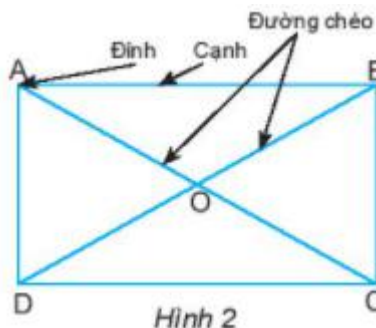
## HÌNH HỌC 6

### A. Tóm tắt nội dung bài học: (CHÉP VÀO TẬP BÀI HỌC)

#### BÀI 2: HÌNH CHỮ NHẬT. HÌNH THOI.

#### HÌNH BÌNH HÀNH. HÌNH THANG CÂN

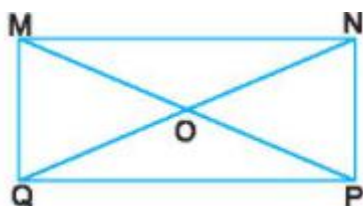
### 1. Hình chữ nhật



Hình chữ nhật ABCD (Hình 2) có:

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau:  $AB = CD$ ;  $BC = AD$ .
- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Bốn góc đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.
- Hai **đường chéo** bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:  $AC = BD$  và  $OA = OC$ ;  $OB = OD$ .

**Thực hành 1:**



Đo và so sánh độ dài các đoạn OM, ON, OP và OQ của hình chữ nhật MNPQ

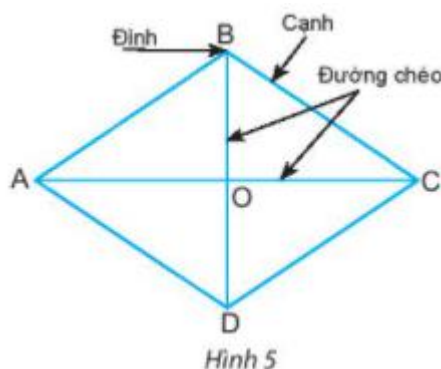
**Bài làm:**

Các đoạn OM, ON, OP, OQ có độ dài.....

**Thực hành 2:** Vẽ hình chữ nhật (HS tham khảo cách vẽ trong SGK/81)

**Vận dụng:** Vẽ hình chữ nhật MNPQ có MN=5cm, MQ=3 (HS vẽ vào tập bài học)

## 2. Hình thoi



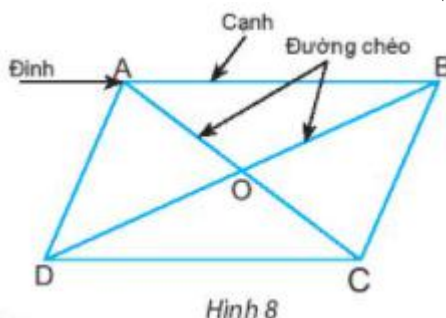
Hình thoi ABCD ( Hình 5) có:

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Bốn cạnh bằng nhau:  $AB = BC = CD = DA$ .
- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai **đường chéo** AC và BD vuông góc với nhau.

**Thực hành 4:** Vẽ hình thoi (HS tham khảo cách vẽ trong SGK/82)

**Vận dụng:** Vẽ hình thoi MNPQ biết cạnh MN = 4cm (HS tự vẽ vào tập bài học)

## 3. Hình bình hành



Hình bình hành ABCD (Hình 8) có:

- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.
- Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau:  $AB = CD$ ;  $BC = AD$ .
- Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai cặp **góc đối diện** bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.
- Hai **đường chéo** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:  $OA = OC$ ;  $OB = OD$ .

**Thực hành 5:**

MNPQ là hình bình hành nên:  $OM = \dots$ ;  $ON = \dots$

**Thực hành 6:** Vẽ hình bình hành (HS tham khảo cách vẽ trong SGK/83)

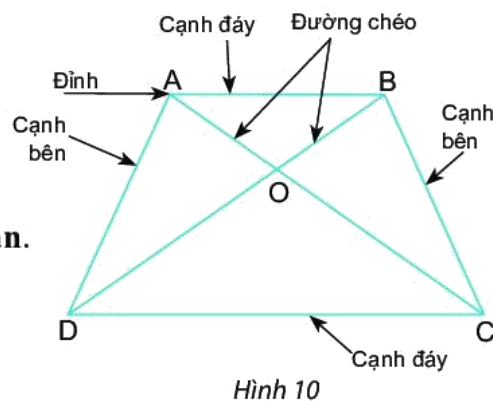
**Vận dụng:** Vẽ hình bình hành ABCD biết đường chéo  $AC = 5\text{cm}$ ,  $BD = 7\text{cm}$   
(HS vẽ vào tập bài học)

#### 4. Hình thang cân

**Hình thang** ABCD (Hình 10) có:

- Hai **cạnh đáy** song song: AB song song với CD.
- Hai **cạnh bên** bằng nhau:  $BC = AD$ .
- Hai **đường chéo** bằng nhau:  $AC = BD$ .

Hình thang ABCD như thế được gọi là **hình thang cân**.



#### Thực hành 7:

\*Góc đỉnh H của hình thang EFGH bằng góc.....

\* $EG = \dots$  ;  $EH = \dots$

#### B. Bài tập tự luyện (LÀM VÀO TẬP BÀI TẬP)

1. Trong các hình sau đây hình nào là hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang cân?



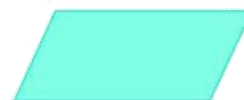
a)



b)



c)



d)

3. Vẽ hình chữ nhật ABCD biết  $AB = 5\text{ cm}$ ,  $AD = 8\text{ cm}$ .

7. Vẽ hình thoi MNPQ biết góc MNP bằng  $60^\circ$  và  $MN = 6\text{ cm}$ .

8. Cắt ba hình tam giác đều cạnh 4 cm rồi ghép lại thành một hình thang cân.

#### C. Hướng dẫn bài tập tự luyện:

Bài 8:

Kết quả sau khi ghép:

